**Bài 6. NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU**

**(Văn bản nghị luận – 13 tiết)**

## MỤC TIÊU

### Năng lực

* + - * Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
      * Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.
      * Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.
* Nhận biết và đánh giá tính chất đúng/ sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ ý tưởng, thông điệp của VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua hoạt động thảo luận nhóm
* Câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

### Phẩm chất

Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp

Có ý thức lựa chọn sử dụng câu đơn hay câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép tuỳ vào các mục đích khác nhau trong thực tế giao tiếp

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
* SGK (sách giáo khoa), SGV (sách giáo viên).
* Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.
* Các mẫu PHT (phiếu học tập) để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**Tiết 73 - 74 Văn bản 1**

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

**( G.G Mác-két)**

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

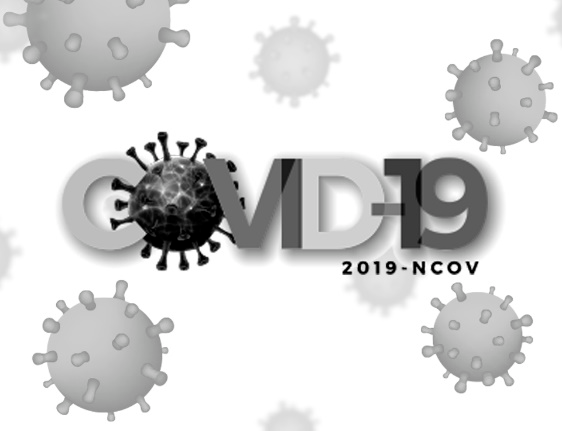
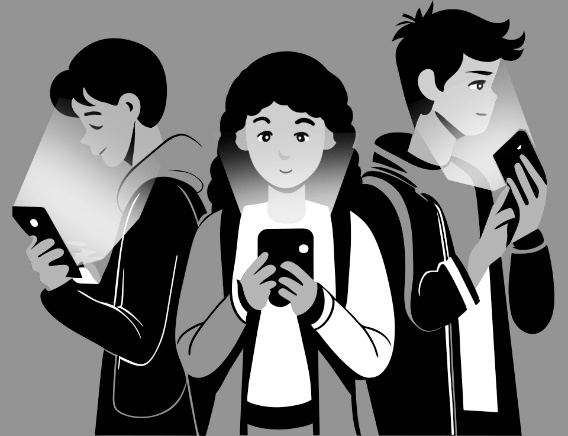
#### Tổ chức thực hiện:

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

* 1. Cá nhân HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Những bức tranh dưới đây gợi ra vấn đề gì trong xã hội?

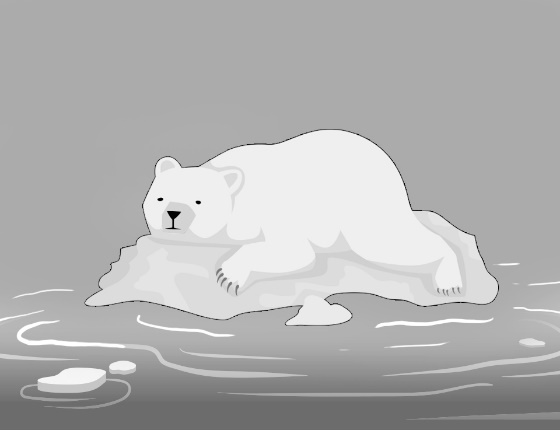


1



2

4



3

*(2)HS* trả lời theo hình thức cá nhân câu hỏi lớn của bài học: Vì sao chúng ta cần quan tâm đến những vấn đề toàn cầu?

*\*Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) , (2).

* *Báo cáo, thảo luận:*
* Nhiệm vụ (1): HS nêu các vấn đề xã hội được gợi ra từ các bức tranh và lí giải.
* Nhiệm vụ (2): HS trả lời ngắn gọn câu hỏi lớn của bài học.
* *Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học.

## HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Dự kiến sản phẩm |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc mục *Ý tưởng, thông điệp của VB*, phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK và điền vào PHT sau:  **PHT SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ Ý TƯỞNG, THÔNG ĐIỆP CỦA VB**  Ý tưởng của VB là …………………….………………………………………………….  Ý tưởng của VB thường được nảy sinh qua ………………………………………………  Thông điệp của VB là ...................……………………………………………….….…….  Cá nhân HS theo dõi GV phân tích ví dụ ở hai sơ đồ sau, ghi chú nội dung quan trọng và nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về vấn đề:    *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) , (2).  *Báo cáo, thảo luận:*  HS trình bày kết quả phần điền khuyết. Các HS nhận xét, bổ sung (nếu có).  HS nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn nội dung bài học (nếu có).  *Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về khái niệm ý tưởng, thông điệp trong văn bản; giải đáp các câu hỏi của HS (nếu có).  *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc mục *Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu VB* ở SGK và hoàn thành sơ đồ sau:     * *Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi với bạn. * *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời; các nhóm khác nhận xét, bổ sung. * *Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về sơ đồ như sau:   GV phân tích ví dụ về việc liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc VB *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* (theo SGK) để HS hiểu rõ hơn về bài học. | **Hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn* (phần tri thức đọc hiểu)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. HD HS Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản**  Yêu cầu: đọc to, rõ ràng, chú ý câu hỏi phần theo dõi, suy luận  Câu 1 (Theo dõi): Một số bằng chứng khách quan trong đoạn: Việc UNICEF đề ra chương trình giải quyết vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới vào năm 1981 nhưng không thực hiện được; số liệu cho thấy 100 tỉ đô la chỉ gần bằng chi phí bỏ ra cho 100 máy ném bom chiến lược B.1B và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu.  Câu 2 (Suy luận): Các số liệu về thời gian cho thấy phải tốn rất nhiều thời gian để sự sống trên Trái Đất hình thành và con người có trí tuệ, hiểu biết, cảm xúc. Vì thế, sự sống trên Trái Đất là vô cùng quý giá và không thể chấp nhận việc sản xuất vũ khí huỷ diệt sự sống.  Câu 3 (Suy luận): Giải pháp được đề xuất trong đoạn văn này hướng đến nguyên thủ các nước tham gia cuộc họp tại Mê-hi-cô; nhân dân thế giới; nguyên thủ các nước có chạy đua vũ trang.  – GV giải thích về cách thực hiện kĩ năng theo dõi và suy luận.  **2. Tìm hiểu chú thích:**  GV giải thích thêm một số từ khó  **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  **1. Tìm hiểu mối quan hệ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.  b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học.  c. Tổ chức thực hiện:  **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm nhỏ (4 – 6 HS), thảo luận tìm câu trả lời cho câu 1, 2, 3 trong SGK.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời và trình bày lên giấy A0.  **Bước 3**. Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày câu trả lời; các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4.** Kết luận, nhận định: GV kết luận, nhận định về câu trả lời cho các câu 1, 2, 3.  **Câu 1:** GV hướng dẫn HS nhận ra luận đề căn cứ vào nhan đề và nội dung bao quát của VB. Luận đề của văn bản là vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu.  **Câu 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 (từ đầu đến vận mệnh thế giới) | Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại | | Phần 2 (Niềm an ủi … xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới) | Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn | | Phần 3 (Một nhà tiểu thuyết lớn … xuất phát của nó) | Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên | | Phần 4 (phần còn lại) | Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang |   **Câu 3:** GV hướng dẫn HS thực hiện sơ đồ dựa vào phần trả lời của câu 1 và câu 2, từ đó, GV kết luận về cách thức nhận biết, phân tích mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận.  **2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản**  a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong VB.  b. Sản phẩm: Phần trả lời của HS.  c.Tổ chức thực hiện:  **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm 2 HS trả lời câu 4 và câu 5 trong SGK.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm.  **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** Kết luận, nhận định: GV tóm tắt ý kiến của các nhóm, nêu định hướng trả lời như sau:  **Câu 4**: Những bằng chứng trong phần 2 của VB được trình bày dưới dạng so sánh, để cho thấy số tiền chạy đua vũ trang đã cướp đi cơ hội phát triển, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân loại như thế nào. Cụ thể:  –Số tiền bỏ ra cho 100 máy ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu (khoảng 100 tỉ đô la) là số tiền cần để UNICEF thực hiện chương trình giải quyết vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới.  –Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.  -Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.  - Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.  Ngoài ra, tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều lĩnh vực: Cứu trợ trẻ em, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục. Cách triển khai này cho thấy tác giả đã nhìn nhận, xem xét vấn đề một cách toàn diện.  \* Cách triển khai bằng chứng một cách hiệu quả, thuyết phục góp phần làm sáng tỏ luận điểm và luận đề của VB.  **Câu 5**: Thông qua việc đánh giá mục đích của những đề xuất ở cuối VB, HS sẽ có cơ sở để nhận thức về tính đúng hoặc sai của vấn đề được đặt ra trong VB.  biệt của người viết nhằm tăng sức thuyết phục cho VB.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng hướng đến** | **Mục đích đối với từng đối tượng** | **Mục đích chung** | | Nguyên thủ sáu nước tham gia cuộc họp | Khẳng định thiện chí kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ khí hạt nhân để đảm bảo an ninh và hoà bình cho thế giới | Thuyết phục từ bỏ cuộc chạy đua vũ trang để đảm bảo một cuộc sống hoà bình, công bằng | | Nhân dân thế giới | Nâng cao nhận thức về hiểm hoạ hạt nhân để từ đó khích lệ, kêu gọi tiếng nói đấu tranh chống chạy đua vũ trang, đòi hỏi cuộc sống hoà bình, công bằng | | Các nước đang tham gia chạy đua vũ trang trên thế giới | Cảnh báo các nguy cơ về hiểm hoạ hạt nhân và kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang |   GV có thể giúp HS nhận ra thêm: ở thời điểm VB ra đời, việc “mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân” không khả thi so với điều kiện thực tế. Cho nên, đề xuất này của tác giả thực ra có tính chất tượng trưng, nhằm thức tỉnh nhận thức, tình cảm, lương tri của người đọc/ người nghe, qua đó, kêu gọi việc chấm dứt chạy đua vũ trang như một nghĩa vụ, bổn phận đạo đức đối với sự sống của nhân loại. Với một vấn đề vĩ mô, có tính chất toàn cầu như chạy đua vũ trang, không đơn giản để có giải pháp cụ thể, triệt để để giải quyết, vì vậy, cách đề xuất giải pháp của Mác-két vừa phù hợp, có tính chất thức tỉnh nhân loại, vừa mang đến giá trị nghệ thuật đặc sắc cho VB.  – GV kết luận, nhận định về cách nhận biết, phân tích lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận:  + Trong VB nghị luận, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu là những lí lẽ, bằng chứng có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ luận điểm và luận đề, thường gây ấn tượng mạnh với người đọc; cũng có thể thể hiện dụng ý đặc biệt của người viết nhằm tăng sức thuyết phục cho VB.  + Để xác định lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, có thể căn cứ vào: Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; cảm nhận của người đọc về những lí lẽ, bằng chứng ấn tượng; mục đích, dụng ý của tác giả.  + Để hiểu được giá trị của các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, ta cần phân tích để nhận ra vai trò của những lí lẽ, bằng chứng ấy trong việc làm sáng tỏ luận đề của VB (đặt trong tính chỉnh thể của VB); những thủ pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng; dụng ý, mục đích đặc biệt của tác giả.  **3. Tổng kết**  a. Mục tiêu: Tổng kết được đặc sắc nghệ thuật và nội dung trong VB.  b. Sản phẩm: Phần trả lời của HS.  c.Tổ chức thực hiện:  **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập: cặp đôi HS trả lời câu hỏi : Em hãy nêu đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản?  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó thảo luận với bạn  **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Đại diện cặp đôi trình bày câu trả lời. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** Kết luận, nhận định: GV tóm tắt ý kiến của các cặp đôi, chốt kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**   1. **Đọc**   **2. Chú thích**  **- Kiểu văn bản: Văn bản nhật dụng**  **- PTBĐ: nghị luận**  **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  **1. Tìm hiểu mối quan hệ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  - Luận đề: vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu.  - Luận điểm:  + Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại  + Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  + Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên  **2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản**  => Cách triển khai bằng chứng một cách hiệu quả, thuyết phục góp phần làm sáng tỏ luận điểm và luận đề của văn bản.  **3. Tổng kết**  **a. Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ  - Hệ thống lập luận, dẫn chứng cụ thể, xác thực  - Giọng tranh luận, đối thoại ngầm.  **b. Nội dung**  - Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa loài người và sự sống trên trái đất . Mọi người cần phải đấu tranh, ngăn chặn chiến tranh hạt nhân cho một thế giới hòa bình. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP & VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1***: Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện yêu cầu của câu 6 trong SGK. *Gợi ý:* Đầu tiên, HS cần phác thảo ý tưởng thực hiện sản phẩm (tranh vẽ, infographic, cách thực hiện,…), sau đó, hoàn thiện tại nhà và công bố sản phẩm trên góc truyền thông của lớp.  **Bước 2***: Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS cùng thực hiện.  **Bước 3***: Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm treo sản phẩm học tập, cả lớp thảo luận.  **Bước 4***: Kết luận, nhận định:*   * GV nhận xét, khen ngợi sản phẩm của HS về các mặt: Cách thể hiện sáng tạo, đẹp mắt, khoa học, thể hiện được những lợi ích của năng lượng hạt nhân. * GV kết luận, nhận định về cách đọc VB: Khi liên hệ nội dung VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thời nay, ta có cái nhìn toàn cảnh, nhiều chiều đối với vấn đề đặt ra trong VB (năng lượng hạt nhân), để từ đó * Có thái độ, cách hành xử phù hợp. | HS suy nghĩ và trả lời |

**Tiết 75 – 76 Văn bản 2**

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC**

**VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

- An-ti-ni-ô Gu-tê-rét-

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**b. Nội dung*:*** *Theo em, những hình ảnh này nói về hiện tượng gì? Nêu những hiểu biết của em về vấn đề này?*



**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

(như mục nội dung)

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

- HS chia sẻ cảm nghĩ

**\*Bước 3**: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- HS trả lời câu hỏi

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần), gợi dẫn vào bài học một cách hợp lí.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  HS làm việc theo nhóm đôi, chia sẻ nội dung trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* đã chuẩn bị ở nhà; (2) Sau đó, một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản** |
| **\* Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**  **1/** Điền vào PHT sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **-**  Xác định luận đề của VB: ……………………………………………….……  - Xác định bố cục và các luận điểm của VB:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 (từ đầu đến *làm điều cần thiết*) | … | | Phần 2 | … | | Phần 3 | … | | Phần 4 | … | |   **2/** Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.  **3/** Nhận xét về cách người viết trình bày những bằng chứng trong phần 2 của VB.  4/ Em có nhận xét gì về những giải pháp mà tác giả đã nêu ở phần 3. | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (1), (2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS dựa vào bảng tiêu chí đánh giá   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Nội dung | Nêu được luận đề |  |  | | Nêu đầy đủ các luận điểm |  |  | | Nêu được lí lẽ, bằng chứng |  |  | | Hình thức | Sử dụng từ khóa |  |  | | Màu sắc, bố cục hài hòa … |  |  | | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Mối quan hệ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  - Luận đề: vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu  - Luận điểm:  + Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề.  + Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu.  + Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này.  + Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (3)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2. Lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản**  - Tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều phương diện: biến đổi khí hậu khiến môi trường tự nhiên cũng bị biến đổi và gây ra nhiều thiên tai khốc liệt; tác động trực tiếp đến sự tồn vong của con người.  🡪tác giả đã xem xét vấn đề một cách toàn diện, góp phần làm rõ cho luận điểm 2 của phần 2 và luận đề của VB. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (4)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  *\*B3: Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *\*B4: Kết luận, nhận định*:  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3. Giải pháp được nêu ra trong văn bản:**  - Những giải pháp đã nêu nhằm giải quyết khủng hoảng khí hậu: Giảm thiểu khí nhà kính; nhanh chóng thoát khỏi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch và thay thế chúng bằng năng lượng sạch từ nước, gió, mặt trời; ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi các cánh rừng bị hư tổn và thay đổi phương thức canh tác.  - Các giải pháp được nêu ra khả thi, phù hợp với thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, đặc biệt hướng đến đối tượng là các quốc gia giàu có – đối tượng chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Câu hỏi 5/Sgk  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\* B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  \* Lồng ghép ĐĐLS: Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội (vai trò của phụ nữa trong bối cảnh xã hội hiện nay)  - Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau. | **4/ Vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ:**  Đây là ý tưởng đúng đắn, phù hợp với bối cảnh khí hậu toàn cầu đang khủng hoảng và sự thiếu hụt vai trò của những nhà lãnh đạo cũng như mong muốn giải quyết “vấn đề có tính hạn định” vào “thời điểm có tính chất hạn định” như hiện nay. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:

Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm HS thực hiện.

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài viết hay. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**Tiết 77 Đọc kết nối chủ điểm:**

**Những điều cần biết để an toàn trong không gian mạng**

**(dành cho trẻ em và người sắp thành niên)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Xem video, trả lời câu hỏi “tác hại của nghiện mạng xã hội”

- Học sinh xung phong trả lời câu hỏi, trả lời đúng được một điểm cộng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS quan sát, lắng nghe trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** GV tổ chức hoạt động- HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. HD HS Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản**  Yêu cầu: đọc to, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ.  **2. Tìm hiểu chú thích:**  GV giải thích thêm một số từ khó  **II. HD HS Suy ngẫm – Phản hồi:**  HS lần lượt trả lời câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi 1, 2, 3, 4  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Bốn HS cùng nhóm thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn các em thực hiện yêu cầu theo gợi ý  xét, đánh giá hoạt động các nhóm.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**   1. **Đọc** 2. **Chú thích** 3. **Thể loại: Văn bản thông tin**   **- PTBĐ: Thuyết minh**  **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  **1. Nội dung :**  a.Những rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng:Thông tin xấu, độc hại; bắt nạt trên mạng; xâm phạm đời tư; xâm hại tình dục.  **b.Để tránh gặp phải rắc rối khi sử dụng không gian mạng, các em cần lưu ý:**  **– Nói không**: không làm quen, trò chuyện với người lạ; không chia sẻ thông tin cá nhân lên mạng, nhất là những hình ảnh nhạy cảm, tâm trạng riêng tư.  **- Kiểm soát:** Không sử dụng các trang mạng, phần mềm,… mà các em nghi ngờ là xấu, không chia sẻ định vị khi sử dụng các ứng dụng trên mạng.  **– Thông báo** với bố mẹ, thầy cô, những người tin tưởng,… khi gặp rắc rối để được tư vấn, giúp đỡ.  **– Kiềm chế,** cân nhắc, suy nghĩ kĩ trước khi chia sẻ, bình luận,… khi tham gia mạng xã hội.   1. Phương tiện phi ngôn ngữ gồm: *sơ đồ, hình ảnh, từ ngữ in đậm*.   => Làm rõ các thông tin cơ bản của VB; nhấn mạnh những từ khoá quan trọng; làm cho VB thêm sinh động, hấp dẫn.  **3.Mục đích**  - Văn bản đưa ra những rủi ro tiềm ẩn trên không gian mạng, những lưu ý khi sử dụng, dành cho trẻ em và đối tượng sắp vị thành niên. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Khắc sâu kiến thức liên kết với chủ điểm đang học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS, thái độ hợp tác.

Gợi ý: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm ( không khí,nước, rác thải nhựa,…)

Nhiệt độ trái đất đang nóng lên, vùng em sinh sống ngày càng nắng nóng,hạn hán.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đưa ra câu hỏi: “Những vấn đề toàn cầu, thực tế ở địa phương em đang sinh sống gặp vấn đề nào?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Gv quan sát, gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** Hs tham gia ttrả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức về chủ điểm Những vấn đề toàn cầu đã học vào trong cuộc sống hàng ngày nêu việc làm cụ thể của em để những vấn đề được giảm thiểu tác hại,ảnh hưởng.

**b. Nội dung**: Học sinh hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Trình bày ý kiến của bản thân bằng viết đoạn văn (9-12 câu).

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn nêu việc làm cụ thể của em để những vấn đề được giảm thiểu tác hại, ảnh hưởng của những vấn đề toàn cầu thực tế ở địa phương em đang sinh sống.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh hoàn thành ở nhà.

**B3.** **Báo cáo kết quả:** HS nộp vở có hoàn thành đoạn văn.

**B4. Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét bài HS.

**Tiết 78 – 79 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỰA CHỌN CÂU ĐƠN - CÂU GHÉP;**

**CÁC KIỂU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em hãy đặt/ghi lại 1 câu đơn và 1 câu ghép  - Cách 2:  + Em hãy đọc tên bài học và nêu những nội dung muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.  + Em hãy đọc lướt nội dung phần *Tri thức tiếng Việt* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, xác định nội dung bài học và nhiệm vụ học tập.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về **câu đơn, câu ghép**để có thêm kĩ năng khi sử dụng các kiểu câu này, đồng thời bổ sung kiến thức về phương tiện nối các vế của câu ghép. | - Cách 1:  + “Hoa hồng nở rộ trong vườn.”  + “Nếu bạn chăm chỉ học hành thì thì bạn sẽ đạt được thành công.”  - Cách 2: GV ghi nhận những nội dung HS muốn tìm hiểu về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép dưới hình thức từ khoá/ cụm từ lên bảng phụ của lớp.  (2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, trả lời câu hỏi:   *+ Khi nào chúng ta lựa chọn câu đơn và khi nào chúng ta lựa chọn một câu ghép?*  *+ Có những kiểu câu ghép nào? Hãy chỉ ra phương tiện nối các vế câu. Lấy ví dụ.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Lựa chọn câu đơn – câu ghép**  - Chúng ta thường chọn câu đơn (câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt) để biểu thị một phán đoán đơn  - Lựa chọn câu ghép (câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt trở lên) để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **2. Lựa chọn các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu**  **\**Dựa vào quan hệ giữa các vế***  **a. Câu ghép đẳng lập**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Liệt kê, ví dụ: *“Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.”* (Ngô Tất Tố).  + Tiếp nối, ví dụ: *“Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.*” (Tô Hoài).  + Đối chiếu, ví dụ: “*Ông nói gà, bà nói vịt*.” (Tục ngữ).  + Lựa chọn, ví dụ: *“Mình đọc hay tôi đọc*?” (Nam Cao);...  **b. Câu ghép chính phụ**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Nguyên nhân – kết quả, ví dụ: *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.”* (Tô Hoài).  + Điều kiện/ giả thiết – kết quả, ví dụ: *“Nếu anh cho phép thì ta cứ - đọc.”* (Nam Cao).  + Nhượng bộ - tương phản, ví dụ: *“Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình.”* (Nguyễn Minh Châu).  + Mục đích – sự kiện, ví dụ: *“Để trường lớp luôn sạch đẹp, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vệ sinh chung”.*  **\**Dựa vào phương tiện nối các vế***  **c. Câu ghép có từ ngữ liên kết**  - Ngoài các kết từ (*và, rồi, hay, còn*,...), các cặp kết từ (*vì ... nên, nếu ... thì, tuy ... nhưng*,...), từ ngữ liên kết còn có thể là các cặp từ ngữ hô ứng như *càng ... càng, vừa... vừa, mới ... đã, bao nhiêu ... bấy nhiêu, nào ... ấy,...*  **d. Câu ghép không có từ ngữ liên kết**  Ví dụ: Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe. (Biểu thị quan hệ liệt kê).  🡪 Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân - kết quả, mục đích - sự kiện,...) Mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, trả lời câu hỏi:   *+ Khi nào chúng ta lựa chọn câu đơn và khi nào chúng ta lựa chọn một câu ghép?*  *+ Có những kiểu câu ghép nào? Hãy chỉ ra phương tiện nối các vế câu. Lấy ví dụ.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận**:* Đại diện 1 - 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Lựa chọn câu đơn – câu ghép**  - Chúng ta thường chọn câu đơn (câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt) để biểu thị một phán đoán đơn  - Lựa chọn câu ghép (câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt trở lên) để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **2. Lựa chọn các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu**  **\**Dựa vào quan hệ giữa các vế***  **a. Câu ghép đẳng lập**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Liệt kê, ví dụ: *“Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.”* (Ngô Tất Tố).  + Tiếp nối, ví dụ: *“Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.*” (Tô Hoài).  + Đối chiếu, ví dụ: “*Ông nói gà, bà nói vịt*.” (Tục ngữ).  + Lựa chọn, ví dụ: *“Mình đọc hay tôi đọc*?” (Nam Cao);...  **b. Câu ghép chính phụ**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Nguyên nhân – kết quả, ví dụ: *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.”* (Tô Hoài).  + Điều kiện/ giả thiết – kết quả, ví dụ: *“Nếu anh cho phép thì ta cứ - đọc.”* (Nam Cao).  + Nhượng bộ - tương phản, ví dụ: *“Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình.”* (Nguyễn Minh Châu).  + Mục đích – sự kiện, ví dụ: *“Để trường lớp luôn sạch đẹp, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vệ sinh chung”.*  **\**Dựa vào phương tiện nối các vế***  **c. Câu ghép có từ ngữ liên kết**  - Ngoài các kết từ (*và, rồi, hay, còn*,...), các cặp kết từ (*vì ... nên, nếu ... thì, tuy ... nhưng*,...), từ ngữ liên kết còn có thể là các cặp từ ngữ hô ứng như *càng ... càng, vừa... vừa, mới ... đã, bao nhiêu ... bấy nhiêu, nào ... ấy,...*  **d. Câu ghép không có từ ngữ liên kết**  Ví dụ: Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe. (Biểu thị quan hệ liệt kê).  🡪 Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân - kết quả, mục đích - sự kiện,...) Mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập** **1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  *(1) Đặc trưng của chủ nghĩa toàn cầu hiện đại là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hòa ca của nhân loại. (2) Ở đó, người ta chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản. (3) Nhiều ý kiến cho rằng khi “thế giới phẳng”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi văn hoá đặc trưng của dân tộc mình. (4) Điều đó là không đúng, bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc.*  (Nam Lê - Như Ý, *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*, https://giaoducthoidai.vn/, ngày 03/11/2019)  a. Phân tích cấu trúc các câu trong đoạn trích trên, sau đó, cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép.  b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn các kiểu câu (câu đơn, câu ghép) trong đoạn trích trên.  **Bài tập** **2:** Cho đoạn trích sau:  *Nhan đề “Sang thu” vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cánh vật. Hương quả sang thu. Ngọn gió sang thu. Dòng sông, bầu chín, đám mây, bầu trời sang thu. Nắng sang thu. Mưa sang thu, sấm chớp, dông bão, cây cối sang thu. Nhưng trong từng cảnh sang thu của thiên nhiên, đất trời, tạo vật là lồng lộng hồn người sang thu.*  (Theo Vũ Nho, Đi giữa miền thơ)  a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích trên.  b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy.  **Bài tập** **3:** Cho biết các câu ghép dưới đây thuộc loại câu ghép đẳng lập hay chính phụ. Xác định phương tiện nối các vế câu và nêu tác dụng của việc lựa chọn phương tiện này.  a. *Ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội nếu như làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới.*  (Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King), *Tôi có một giấc mơ*)  b. *Nhưng dù cho tại hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.*  (G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*)  c. *Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực và ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc.*  (Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*)  d. *Bước chân của anh đặt nhẹ trên đường, tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất.*  (Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*)  **Bài tập** **4:** Em trao đổi với bạn cùng nhóm một bài văn nghị luận mình đã viết. Sau đó, đọc bài viết của bạn và trả lời các câu hỏi:  a. Bạn em đã sử dụng câu đơn, câu ghép hay kết hợp cả hai kiểu câu trong bài viết?  b. Việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy có tác dụng gì?  c. Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn đã lựa chọn cấu trúc câu hợp lí chưa? Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi như thế nào? Vì sao? | **Bài tập 1:**  *(1) Đặc trưng của toàn cầu hoá* (CN) / *là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại* (VN).  *(2) Ở đó* (trạng ngữ), *người ta* (CN) / *chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản* (VN).  *(3) Nhiều ý kiến* (CN) / *cho rằng khi “thế giới phang”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN).  Ghi chú: Trong phần vị ngữ có các cụm chủ - vị nhỏ: khi “*thế giới phẳng* (trạng ngữ), *các nền văn hoá giao thoa* (CN1)/ *sẽ dần hoà lẫn với nhau* (VN1), *mỗi người* (CN2) / *đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN2).  *(4) Điều đó* (CN1) / *là không đúng* (VN1), *bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc* (CN2) / *là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc* (VN2).  🡪 Câu (1), (2), (3) là câu đơn; câu (4) là câu ghép.  b. Tác dụng của việc lựa chọn câu đơn, câu ghép trong đoạn trích trên:  - Câu (1), (2) và (3) biểu thị một phán đoán đơn giản nên người viết lựa chọn câu đơn là phù hợp. Tuy nhiên, GV cần lưu ý với HS câu (2) và câu (3) cũng có cấu tạo không hoàn toàn đơn giản. Ở câu (2), vị ngữ có cấu tạo từ nhiều cụm động từ: “chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản”. Ở câu (3), trong phần vị ngữ có nhiều cụm chủ - vị nhỏ (như đã phân tích ở trên).  - Câu (4) biểu đạt một thông báo có tính chất phức hợp: vừa chỉ ra ý kiến nêu ở câu (3) là không đúng vừa giải thích lí do nên người viết sử dụng câu ghép là phù hợp.  **Bài tập 2:**  a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích: Các câu in đậm trong đoạn trích đều là câu đơn, có cấu trúc tương đồng (phương thức lặp cấu trúc).  b. Tác giả lựa chọn cấu trúc câu như vậy nhằm nhấn mạnh cả đất trời, tạo vật đều đang “*sang thu”;* tác động mạnh vào tình cảm, cảm xúc của người đọc, gây nên một không khí “*sang thu*”; tạo sự liên kết chặt chẽ về mặt nội dung và hình thức cho đoạn trích.  **Bài tập 3:**  a. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “nếu như”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội”.  b. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là cặp kết từ “dù cho ... thì ...”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “tai hoạ có xảy ra”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”.  c. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “và”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ liệt kê. Hai sự việc được liệt kê là: “Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực, ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc”.  d. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là dấu phẩy (,). Tác dụng: Biểu thị quan hệ tiếp nối. Sự việc đầu tiên là “bước chân của anh đặt nhẹ trên đường”, sự việc tiếp theo là “tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất”.  **Bài tập 4: Gợi ý**  a. Bạn đã sử dụng kết hợp cả hai kiểu câu đơn và câu ghép trong bài viết.  b. Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy:  - Câu đơn: Nhấn mạnh ý, tạo sự ngắn gọn, súc tích.  - Câu ghép: Liên kết các ý, thể hiện mối quan hệ logic giữa các phần.  - Kết hợp cả hai kiểu câu: Tạo sự đa dạng, phong phú cho bài viết. Nhấn mạnh ý, tăng tính logic và thuyết phục.  c.  - Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn lựa chọn cấu trúc một số câu chưa hợp lí.  - Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi từ câu đơn thành câu ghép, và ngược lại. Vì:  + Thay đổi câu đơn thành câu ghép để bổ sung thông tin, giải thích chi tiết hơn.  + Thay đổi câu ghép thành câu đơn để tạo sự ngắn gọn, súc tích.  + Ngoài ra, việc thay đổi như vậy còn tăng tính logic, rõ ràng, tăng sức thuyết phục cho bài viết. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* Giao nhiệm vụ học tập: Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu trong đó có sử dụng câu đơn và câu ghép.  \* Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ câu hỏi.  \* Báo cáo, thảo luận: 3-4 Hs trình bày đoạn văn.  \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét đoạn văn của Hs. | Trong thời đại công dân toàn cầu, việc học tập và phấn đấu để trở thành công dân toàn cầu là điều vô cùng quan trọng. Và mỗi người đều cần thay đổi để trở thành công dân toàn cầu và nhất là thế hệ thanh niên. Công dân toàn cầu được hiểu là người có năng lực, kĩ năng để có thể không chỉ hoạt động trong nước mà còn có thể làm việc và phấn đấu trong môi trường quốc tế với tinh thần hội nhập cao độ. Và muốn thành công dân toàn cầu, kiến thức là điều không thể thiếu trong mỗi người. Kiến thức vững chắc sẽ giúp con người đủ tự tin để khẳng định vươn mình. Bên cạnh đó, ta còn cần trau dồi ngoại ngữ. Bạn sẽ không thể giao tiếp, không thể hòa nhập khi thiếu đi vốn ngoại ngữ. Nếu chỉ mang theo tư tưởng ếch ngồi đáy giếng thì ta rất khó để thành công. Giữa một thế giới rộng lớn, conn gười cần gạt bỏ cái tôi cá nhân và hòa nhập, học hỏi không ngừng với mọi người xung quanh. Thời đại này đang không ngừng đổi thay, không ngừng dịch chuyển. Thái độ, hành động của ta sẽ quyết định tất cả. Bạn và tôi, chúng ta là con người của thời đại số, hãy biết tận dụng tài nguyên và không ngừng cố gắng vì internet ở muôn nơi và cho ta muôn vàn khám phá. Dù đứng ở đâu thì ta cũng có thể tỏa sáng theo cách của riêng mình và là người công dân toàn cầu đúng nghĩa. Nhưng hãy là người công dân luôn mang theo cả đạo đức, tri thức. Và dẫu có toàn cầu hóa đến đâu thì cũng luôn phải nhớ bản thân mình là ai, đất nước mình là gì và luôn quan tâm hơn cả về trách nhiệm tương lai dân tộc. |

**Tiết 80 – 81 VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VÈ MỘT VẤN ĐÈ CẦN GIẢI QUYẾT**

**A. KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Theo em, hiện nay có những vấn đề bất cập nào liên quan đến những người trẻ tuổi?  - HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và xác định nhiệm vụ học tập. GV đặt câu hỏi cho HS: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* | - Một số vấn đề:  + Thiếu sự tự tin, mục tiêu, ý chí, nghị lực,...  + Bất đồng với quan điểm của cha mẹ.  + Gian lận trong thi cử; bạo lực học đường,...  - Nhiệm vụ học tập: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, đưa ra được giải pháp khả thi, thuyết phục. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK trang 18, hoàn thành **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Nhiệm vụ** | **Câu trả lời** | | Nêu khái niệm về kiểu bài |  | | Em hãy chỉ ra yêu cầu đối với kiểu bài. |  | | Trình bày bố cục của bài viết về một truyện kể sáng tạo. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi chú thông tin quan trọng và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết thuộc kiểu bài nghị luận xã hội, trong đó, người viết nêu lí lẽ, bằng chứng để phân tích một vấn đề cần giải quyết, từ đó, đưa ra những giải pháp khả thi, thuyết phục cho vấn đề.  **2. Yêu cầu kiểu bài**  **-** Về nội dung: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.  -Về hình thức: lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.  + Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết, phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động). |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS đọc thầm VB *Những giải pháp khắc phục tình trạng tin giả trên mạng Internet,* chú ý đến những phần được đánh số và khung thông tin tương ứng bên phải VB.  (2) Nhóm 2 HS thảo luận, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB trong  Câu 1: Văn bản trên bàn luận đến vấn đề gì?  Câu 2: Xác định đoạn văn giải thích và nêu ý nghĩa của thao tác giải thích đối với nội dung văn bản.  Câu 3: Tác giả bài viết đã phân tích vấn đề trên những khía cạnh nào?  Câu 4: Các giải pháp tác giả đưa ra là gì? Em có nhận xét gì về các giải pháp này?  *\* Thực hiện nhiệm:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) -> (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp.  \* *Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét, kết luận về các câu hỏi thảo luận. | **Câu 1:** VB bàn về vấn đề hiện tượng tin giả trên Internet và những giải pháp khắc phục.  **Câu 2:** Đoạn giải thích là đoạn thứ hai trong VB. Đối với nội dung VB, việc giải thích các khái niệm quan trọng giúp thống nhất cách hiểu về vấn đề cần bàn luận, từ đó giúp người đọc hiểu rõ ràng, chính xác VB, tăng sức thuyết phục của VB.  **Câu 3:** Tác giả bài viết đã phân tích vấn đề trên các khía cạnh là thực trạng, nguyên nhân, tác hại.  **Câu 4:** Tác giả đưa ra hai giải pháp: Tuyên truyền về tác hại của tin giả và giúp mọi người hình thành kĩ năng nhận biết tin giả; mỗi cá nhân cần học cách xác thực thông tin trên mạng và chịu trách nhiệm với hành vi lan truyền thông tin. Đây là các giải pháp phù hợp, khả thi, được chỉ dẫn rõ ràng về cách thực hiện, có sự kết hợp hành động giữa cá nhân và tập thể.  - GV phân tích, giúp HS phân biệt kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (học ở lớp 9) với kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (đã học ***ở*** lớp 7, lớp 8), qua đó HS hiểu rõ hơn về kĩ năng viết:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống (đã học ở lớp 7, lớp 8)** | **Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (lớp 9)** | | Mục đích giao tiếp | Thuyết phục người đọc tin vào những quan điểm của người viết về vấn đề của đời sống | Thuyết phục người đọc tin và thực hiện theo những giải pháp người viết đề xuất về vấn đề cần giải quyết | | Vấn đề bàn luận | Một vấn đề của đời sống (có thể tích cực hoặc tiêu cực) | Một vấn đề trong đời sống cần phải giải quyết (tiêu cực, gây ra những tác hại không mong muốn cho đời sống) | | Hệ thống luận điểm | – Luận điểm 1: Quan điểm thứ nhất về vấn đề  – Luận điểm 2: Quan điểm thứ hai về vấn đề  – Luận điểm … | – Luận điểm 1: Phân tích vấn đề cần giải quyết  – Luận điểm 2: Những giải pháp cần thực hiện để giải quyết vấn đề  – Luận điểm … |   🡪 Nhận xét: Với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, trọng tâm của bài viết là các giải pháp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1**  - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs lập dàn ý cho bài viết theo **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Bước 1: Tìm ý** (PHT số 1)  **Bước 2: Lập dàn ý** (PHT số 2)  **Bước 3: Viết bài**  Viết bài văn hoàn chỉnh, đảm bảo đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  Lưu ý:  - Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Tách đoạn hợp lí, sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Có thể trích dẫn danh ngôn, nhận định để tăng sức thuyết phục cho bài viết. |
| **PHT số 1: TÌM Ý CHO CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Vấn đề cần  giải quyết … | Người  thực hiện  giải pháp | Cách thức  thực hiện | Công cụ/  phương pháp  hỗ trợ  (nếu có) | Lí giải,  phân tích  (nếu có) | Bằng chứng  về việc áp  dụng thành  công (nếu có) | | … | … | … | … | … | | … | … | … | … | … |     **VÍ DỤ: MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG ĐI HỌC MUỘN CỦA HỌC SINH**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Vấn đề cần giải quyết: Tình trạng đi học muộn của HS | Người  thực hiện  giải pháp | Cách thức  thực hiện | Công cụ/  phương pháp  hỗ trợ  (nếu có) | Lí giải,  phân tích  (nếu có) | Bằng chứng  về việc áp  dụng thành  công (nếu có) | | HS | Đi ngủ đúng giờ bằng cách không sử dụng thiết bị điện thoại ít nhất 01 giờ  trước khi ngủ | Nằm thư giãn, hít thở đều và đếm nhịp thở | Việc hít thở và đếm nhịp thở giúp tâm trí thoải mái, dễ chìm vào giấc ngủ và giúp tỉnh táo hơn vào sáng hôm sau | Các nghiên cứu khoa học về giấc ngủ | | HS | Chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập vào buổi tối trước khi ngủ | Sử dụng checklist để không sai sót | Giúp chủ động vào buổi sáng, không mất thời gian chuẩn bị | … | |  | Phụ huynh | Đánh thức HS dậy đúng giờ, hỗ trợ học sinh về việc di chuyển, trừ hao thời gian di chuyển để phòng các sự cố như tắc đường, xe cộ hư hỏng,… | x | Giúp đỡ HS thuận tiện hơn trong việc đi lại, đảm bảo giờ giấc đến lớp | x |   **PHT số 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Nhiệm vụ** | | **Áp dụng trong đề tài của em** | | Mở bài | Giới thiệu vấn đề. | |  | | Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề. | |  | | Thân bài | Giải thích vấn đề | |  | | Phân tích vấn đề | Thực trạng |  | | Nguyên nhân |  | | Giải pháo |  | | Nêu giải pháp khắc phục vấn đề | |  | | Kết bài | Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề. | |  | | Rút ra bài học cho bản thân. | |  |   **.** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và dựa vào bảng kiểm trong SGK để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Một số HS đọc bài viết trước lớp, các HS khác nhận xét về bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.  \* *Kết luận, nhận định:*  - GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điều cần chỉnh sửa trong bài viết.  + Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm cần phát huy, những điều cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp các em chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra, các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:GV* tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một vấn đề cần giải quyết khác để viết bài mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới, sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin của lớp học,...  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (ví dụ nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận hoặc các nút cảm xúc,.). | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ.  Nguyễn Nhâm 0981.713.891 |

**TIẾT 83**

**VIẾT VĂN BẢN QUẢNG CÁO HOẶC TỜ RƠI VÈ MỘT SẢN PHẨM**

**HAY MỘT HOẠT ĐỘNG**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em đã bắt gặp các hình ảnh như thế nào bao giờ chưa? Theo em, mục đích của việc phát hành nó là gì?  In tờ rơi giá rẻ lấy ngay tại Hà Nội - Miễn phí thiết kế & giao hàng Đoàn xiếc biểu diễn tại Hà Tĩnh: Đánh lừa khán giả, lừa cả trẻ con?  Sơn Tùng M-TP và hàng loạt sao hot sắp khuấy động Hà Nội tại sự kiện ra mắt  xe cực hoành tráng  - Cách 2:  + Theo em, để các sản phẩm cũng như hoạt động của các cá nhân, tổ chức có thể tiếp cận được khách hàng hoặc công chúng, người ta hay quảng cáo bằng những cách nào?  + HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* | **Cách 1:**  - Mục đích: quảng cáo, giới thiệu về sự kiện, hoạt động,...  **Cách 2:**  - Hình thức quảng cáo  + Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng  + In trên các pano, áp phích  + Phát tờ rơi  +...  - Nhiệm vụ học tập: Viết VB quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* trong SGK, trả lời cho các câu hỏi sau:  - VB quảng cáo là gì? Tờ rơi là gì?  - Kiểu VB quảng cáo có những yêu cầu gì về phương diện nội dung và cách thể hiện?  - Trình bày bố cục của kiểu VB quảng cáo.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi lại các thông tin chính để trả lời các câu hỏi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày phần ghi chú, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về tri thức về kiểu bài dựa vào SGK. | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  - Văn bản quảng cáo là kiểu văn bản kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm thuyết phục người đọc, người xem sử dụng sản phẩm hoặc tham gia hoạt động. Văn bản này tiếp cận người đọc, người xem qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, trang thông tin điện tử,...) và các xuất bản phẩm (sách in, tranh, ảnh, tờ rơi,...).  - Tờ rơi là một dạng của văn bản quảng cáo, có kích thước nhỏ, được in trên một hoặc cả hai mặt của một tờ giấy (thường là khổ giấy A4, A5). Ưu điểm của quảng cáo bằng tờ rơi so với các hình thức quảng cáo khác là chi phí thấp, dễ tiếp cận người đọc, người xem.  **2. Yêu cầu**  - Nội dung: cung cấp thông tin về ưu điểm, giá trị của sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động thông qua kênh chữ, kênh hình.  - Cách thể hiện:  + Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ,...) để biểu đạt nội dung quảng cáo.  + Ngôn ngữ ngắn gọn, sử dụng kết hợp các cách thuyết phục người đọc, người xem.  + Sơ đồ, hình ảnh, biểu tượng,.... có đường nét, màu sắc nổi bật, tác động mạnh đến thị giác, thính giác người đọc, người xem nhằm làm rõ tính ưu việt, hữu ích của sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động.  - Bố cục:  + Tiêu đề: giới thiệu khái quát sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động.  + Nội dung chính: cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động bằng kênh chữ, kênh hình; nêu khẩu hiệu của sản phẩm/ dịch vụ hoặc thông điệp của hoạt động. |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Cá nhân HS đọc thầm VB *Tờ rơi quảng cáo một hoạt động,* chú ý đến những khung thông tin tương ứng.  (2) Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB Câu 1: Tiêu đề của tờ rơi có phù hợp với nội dung của hoạt động hay không?  Câu 2: Văn bản đã sử dụng những cách thể hiện nào để thuyết phục người đọc?  Câu 3: Nhận xét về sự phối hợp của các kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc chữ trong văn bản quảng cáo.  Câu 4: Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh hoạ trong văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) -> (2).  *\* Báo cáo kết quả:* 1 - 2 nhóm đôi HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét, kết luận về các câu hỏi thảo luận. | **Câu 1:** Tiêu đề của tờ rơi phù hợp với nội dung của hoạt động. Vì tiêu đề là “Học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình vì đồng bào miền Trung” và nội dung của hoạt động là chương trình quyên góp lương thực, quần áo, đồ dùng học tàp,... giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ của học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình.  **Câu 2:** VB đã sử dụng những cách thức sau để thuyết phục người đọc: Sử dụng các từ ngữ có sắc thái tích cực để khẳng định ý nghĩa tốt đẹp của hoạt động *(vì đồng bào miền Trung, giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ),* khơi gợi cảm xúc tích cực ở người đọc bằng câu tục ngữ “Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, sử dụng phối hợp các cỡ chữ, kiểu chữ, màu sắc đậm, nhạt...; sử dụng các hình ảnh quần áo, lương thực, dụng cụ học tập, biểu tượng trái tim có màu sắc, đường nét nổi bật nhằm tác động mạnh vào thị giác của người đọc để làm rõ tính chất cần thiết và hữu ích của hoạt động.  **Câu 3:** Các kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc chữ trong VB quảng cáo được sử dụng hài hoà, hiệu quả và phù hợp với nội dung. Ví dụ: VB sử dụng kiểu chữ in hoa, cỡ lớn, màu sắc nổi bật cho tiêu đề, nội dung của hoạt động và câu nêu thông điệp của hoạt động; sử dụng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ, chữ màu xanh nhạt để trình bày thông tin về địa điểm, thời gian tổ chức hoạt động.  **Câu 4:** Tác dụng của việc sử dụng kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh hoạ trong VB: Tăng tính trực quan, tăng cường tính hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài trong SGK; sau đó, trả lời các câu hỏi:  - Em sẽ chọn thiết kế tờ rơi quảng cáo cho sản phẩm hay hoạt động nào? Vì sao?  - Mục đích thiết kế tờ rơi là gì?  - Những đối tượng nào sẽ đọc tờ rơi?  - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn nội dung tờ rơi và cách thiết kế như thế nào?  - Những thông tin nào về sản phẩm hay hoạt động cần thu thập để phục vụ việc thiết kế tờ rơi?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS tìm câu trả lời.  \* *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS. | Đề bài: [Hãy thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/hay-thiet-ke-to-roi-quang-cao-mot-san-pham-hay-mot-hoat-dong.jsp)  Gợi ý  - Đối tượng thiết kế của tời rơi  + Sản phẩm: sách, văn phòng phẩm, một đặc sản của quê hương,...  + Hoạt động: chiến dịch Hoa phượng đỏ, hoạt động Hiến máu nhân đạo, chương trình quyên góp, ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn,...  - Xác định mục đích của tờ rơi: giới thiệu sản phẩm mới hoặc hoạt động sắp diễn ra, khuyến mãi, tăng nhận thức về thương hiệu,...  - Xác định đối tượng khách hàng hoặc người đọc tờ rơi để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  - Thu thập các thông tin liên quan về sản phẩm hoặc hoạt động: đặc tính của sản phẩm/ hoạt động, hình ảnh minh hoa sản phẩm/ hoạt động,... |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1a** và **PHT số 1b**  - Hs phác thảo nội dung quảng cáo và sắp xếp tiêu đề, nội dung...  - Hs tiến hành thiết kế trò chơi  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **a. Tìm ý, lập dàn ý**  **-** PHT số 1 và PHT số 1b  - Phác thảo nội dung quảng cáo (từ ngữ, hình ảnh, tranh vẽ,...).  - Sắp xếp tiêu đề, nội dung quảng cáo, hình ảnh minh họa và thông điệp/ lời kêu gọi hành động theo trình tự phù hợp sao cho tác động mạnh nhất đến người đọc.  **b. Thiết kế tờ rơi**  **-** Sử dụng các phương tiện (giấy, bút, màu,...) hoặc ứng dụng phù hợp như Canva, Adobe Illustrator, Photoshop,... để thiết kế tờ rơi. Chú ý lựa chọn mẫu thiết kế phù hợp với nội dung quảng cáo và dung lượng thông tin của tờ rơi.  - Sử dụng các cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, màu sắc chữ hài hoà.  - Từ ngữ ngắn gọn, không sử dụng nhiều hình ảnh gây rối mắt và phân tán sự chú ý của người đọc; màu sắc, cỡ hình phù hợp.  -Tuỳ thuộc vào nội dung quảng cáo và hình ảnh để bố trí nội dung quảng cáo trên các mặt tờ rơi dạng đơn, gấp đôi hoặc gấp ba (nếu có thể).  -Chọn giấy in có khổ giấy phù hợp, chất lượng cao để đảm bảo hiệu quả quảng cáo của tờ rơi.  **Lưu ý:** Thông tin trong nội dung của tờ rơi cần trung thực và tránh phản cảm. | |
| **PHT số 1a: Tìm ý cho tời rơi quảng cáo về sản phẩm**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Sản phẩm muốn quảng cáo là sản phẩm gì? |  | | Sản phẩm có đặc điểm, tính năng nào nổi bật? |  | | Vì sao khách hàng nên mua/ sử dụng sản phẩm đó? |  | | Có thể mua sản phẩm ở đâu? |  | | Giá sản phẩm thế nào? Có chương trình khuyến mãi hoặc giảm giá hay không? |  |   **PHT số 1b: Tìm ý cho tời rơi quảng cáo về hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Hoạt động nào sắp diễn ra? |  | | Vì sao mọi người nên đến dự/ tham gia hoạt động đó? |  | | Ý nghĩa của hoạt động này là gì? |  | | Hoạt động đó diễn ra ở đâu, khi nào? |  | | Cách tham gia hoạt động như thế nào? |  |   **Ví dụ**  Hiến tạng cứu người và những điều cần biết khi đăng ký hiến tạng |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS trao đổi tờ rơi, góp ý cho nhau dựa vào *Bảng kiểm kĩ năng thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động* trong SGK.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi tờ rơi và nhận xét cho nhau dựa vào bảng kiểm.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Một số HS dán tờ rơi trên bảng, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về tờ rơi của bạn dựa vào bảng kiểm.  \* *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá và nhận xét. | GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các tờ rơi đã thiết kế của HS.  - Cách nhận xét, đánh giá tờ rơi dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong tờ rơi của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần chú ý khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Thiết kế lại tờ rơi cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một sản phẩm hay hoạt động khác để thiết kế tờ rơi mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS chỉnh sửa tờ rơi hoặc thiết kế tờ rơi ở nhà, sau đó công bố sản phẩm trên trang web của lớp, trên bảng thông tin lớp học,...  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS giới thiệu tờ rơi đã được chỉnh sửa hoặc thiết kế mới với GV và các bạn trong lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với tờ rơi đã được công bố (ví dụ: Nếu tờ rơi được công bố trên trang web của lớp thì HS có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận hoặc các nút cảm xúc,.). | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ. |

**TIẾT 84**

NÓI VÀ NGHE

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em hãy cho biết mỗi hình ảnh sau gợi đến sự việc nào trong cuộc sống hằng ngày? Em có suy nghĩ gì về những sự việc này?  Vụ bạo hành trẻ em ở Mái ấm Hoa Hồng: Hàng xóm tiết lộ gây sốcVụ đoàn xe đám cưới có "nhóm vệ sĩ” dẹp đường: Diễn biến mới nhất  Những công nhân sáng vào nhà máy, chiều ra kênh dọn rác ở Bình Dương  - Cách 2:  + Em hãy liệt kê một số sự việc có tính thời sự thu hút được sự chú ý của đông đảo mọi người.  + HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt,* đọc lướt phần *Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự* để trả lời câu hỏi: Ở Phần *Nói và nghe,* nhiệm vụ học tập cần thực hiện là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. HS khác nhận xét, đánh giá.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận về nhiệm vụ bài nói. | - Cách 1:  **+** Bạo hành trẻ em  + Các vệ sĩ chặn đường người tham gia giao thông để đoàn xe rước dâu chạy qua  + Các tình nguyện viên dọn dẹp rác thải, khơi thông kênh mương ở Thành phố HCM  - Cách 2: Một số sự việc có tính thời sự  + Sự việc đối xử tàn nhẫn với trẻ em ở Mái ấm Hoa Hồng.  + Sự việc các vệ sĩ chặn đường người tham gia giao thông để đoàn xe rước dâu chạy qua.  + Sự việc hiến tạng của một số cá nhân.  + Sự việc các tình nguyện viên dọn dẹp rác thải, khơi thông kênh mương ở Thành phố HCM.  🡪 Những sự việc có tính thời sự. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ: Theo em, khi  trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự cần lưu ý những gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến của HS. | **I. Tìm hiểu cách thức thảo luận về một vấn đề có tính thời sự**  - Về nội dung:  + Giới thiệu và nêu tóm tắt được sự việc cần trình bày.  + Trình bày ý kiến về sự việc (đồng tình hay phản đối).  + Nêu được ảnh hưởng của sự việc đối với cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội.  + Nêu giải pháp để giải quyết sự việc.  + Nêu bài học rút ra từ sự việc.  + Trả lời được các câu hỏi và ý kiến phản biện.  - Về cách trình bày:  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...), các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...) phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài và trả lời các câu hỏi sau:  - Em muốn trình bày ý kiến về vấn đề gì? Trình bày ở đâu, trong thời gian bao lâu?  - Mục đích bài nói của em là gì? Người nghe là ai?  - Em sẽ chọn cách trình bày như thế nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác bổ sung, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về tính thời sự, tính vừa sức của đề tài mà HS chọn; sự phù hợp của mục đích, người nghe, bối cảnh thực hiện bài nói. | **Đề bài:** Trong buổi sinh hoạt cuối tuần, giáo viên chủ nhiệm tổ chức buổi toạ đàm **Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay**. Hãy chọn một sự việc có tính thời sự mà em quan tâm, chuẩn bị bài trình bày để tham gia buổi toạ đàm.  Gợi ý:  - Đề tài  + [Sự việc về môi trường.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-moi-truong.jsp)  + [Sự việc về các hiện tượng diễn ra trong học đường.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-ve-cac-hien-tuong-dien-ra-trong-hoc-duong.jsp)  + [Sự việc về văn hóa, xã hội.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-van-hoa-xa-hoi.jsp)  + [Sự việc về lối sống, cách ứng xử.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-loi-song-cach-cu-xu.jsp)  + [Các xu hướng của giới trẻ.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-cac-xu-huong-gioi-tre.jsp)  - Không gian: Trong lớp học, trước sân trường  - Thời gian: khoảng 5 phút  - Mục đích nói: trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự để tham gia toạ đàm *Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay*  - Người nghe: Thầy cô, bạn bè,... |

|  |  |
| --- | --- |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS (4 - 6 thành viên) quay một clip trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự để tham gia toạ đàm *Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay* dựa vào các tiêu chí trong bảng kiểm sau:  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện clip tại nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Clip được công bố trên trang web học tập của lớp. Các nhóm nhận xét, đánh giá (mục bình luận) dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, đánh giá về nội dung bài nói, cách thức trình bày dựa trên bảng kiểm. | Hs thực hành  - Chào hỏi người nghe, tự giới thiệu về bản thân.  - Trình bày dựa vào dàn ý đã chuẩn bị, giới thiệu ý chính của bài nói để người nghe dễ theo dõi.  - Lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với văn nói.  - Tương tác tích cực với người nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, dựa trên gợi ý: Ba điều em thích ở bài nói, hai điều em chưa thích, một bài học kinh nghiệm để làm tốt hơn trong lần sau.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra, chuẩn bị trình bày trước lớp.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kinh nghiệm của bản thân. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định**.* | - GV nhận xét, kết luận về những bài học mà HS cần lưu ý khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  - GV nhắc nhở những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng giao tiếp và hợp tác. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

**BẢNG KIỂM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

**CLIP TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung clip | Bài trình bày có đủ các phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc |  |  |
| Mở đầu thu hút |  |  |
| Kết thúc ấn tượng |  |  |
| Chọn được sự việc có tính thời sự để trình bày |  |  |
| Nêu rõ ý kiến đồng tình/ phản đối về sự việc |  |  |
| Đưa ra lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến |  |  |
| Nêu bài học rút ra từ sự việc một cách thuyết phục |  |  |
| Hình thức trình bày | Người trình bày tự tin, cách nói thu hút, lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian, không quá 5 phút |  |  |
| Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ |  |  |
| Chất lượng kĩ thuật | Độ phân giải hình ảnh rõ ràng (tối thiểu HD) |  |  |
| Âm thanh clip rõ tiếng, không bị rè |  |  |

Tiết 85

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Theo em, những phẩm chất nào cần có ở một người công dân toàn cầu?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố kiến thức về **Bài 6: Những vấn đề toàn cầu**. | - Gợi mở: [Công dân toàn cầu](https://thedeweyschools.edu.vn/cong-dan-toan-cau/) hay còn gọi là **Global Citizen**, đó là một cụm từ dùng để chỉ những người sống, họ có thể mang nhiều quốc tịch và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau. Chúng ta phải đáp ứng đầy đủ các phẩm chất của công dân toàn cầu mới có thể hoà nhập với thế giới.  + Tư duy và tầm nhìn: Chúng ta cần phải có tư duy và tầm nhìn xa thì mới có thể thấy được những vấn đề toàn cầu như ô nhiễm môi trường, chiến tranh thương mại, hội nhập quốc tế…  + Hòa nhập nhưng không hòa tan: Mang bản sắc văn hóa riêng của một đất nước, một dân tộc nhưng đồng thời cũng phải giao lưu học hỏi, tiếp cận và tôn trọng những khác biệt văn hoá của các quốc gia, dân tộc, vùng lãnh thổ khác.  + Sống và hành động vì lợi ích chung của toàn cầu: Đây là thời buổi toàn cầu hoá do đó những hành động của chúng ta phải hướng tới lợi ích chung của toàn cầu.  + Khả năng ngôn ngữ: Khác biệt lớn nhất giữa công dân toàn cầu và một công dân bình thường đó là khả năng ngôn ngữ, chúng ta phải hiểu được ngôn ngữ giao tiếp chung như khả năng sử dụng internet, tiếng Anh, phương thức thanh toán để có thể hội nhập. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| Câu 1: Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của các văn bản nghị luận đã học trong bài.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | ***Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*** | ***Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*** | ***Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*** | | Luận đề |  |  |  | | Luận điểm |  |  |  | | Lí lẽ và bằng chứng |  |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Đấu tranh cho một thế giới hoà bình** | **Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu** | **Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu** | | Luận đề | Vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu | Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu | Sự dung hoà giữa giá trị truyền thống và hội nhập quốc tế đối với mỗi công dân toàn cầu | | Luận điểm | - Luận điểm 1: Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong thế giới hiện đại  - Luận điểm 2: Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  - Luận điểm 3: Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí của con người và lí trí của tự nhiên  - Luận điểm 4: Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang | - Luận điểm 1: Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề  - Luận điểm 2: Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu  - Luận điểm 3: Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này  - Luận điểm 4: Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu | - Luận điểm 1: Khi một người tự hào nói rằng “tôi là công dân toàn cầu”, có nghĩa là những việc anh ta đã và đang làm góp phần làm nên một thế giới tốt đẹp hơn  - Luận điểm 2: Đặc trưng của toàn cầu hoá là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại | | Lí lẽ và bằng chứng | HS tự thực hiện | HS tự thực hiện | HS tự thực hiện |   **Câu 2:** Khi đọc văn bản nghị luận, việc liên hệ thông điệp, ý tưởng với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội khi văn bản được viết và khi thực hiện hoạt động đọc có ý nghĩa gì?  Gợi ý: Khi đọc VB nghị luận, việc liên hệ thông điệp, ý tưởng với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội giúp người đọc có căn cứ để hiểu chính xác, sâu sắc hơn nội dung VB; đồng thời, kết nối nội dung VB với trải nghiệm thực tế của bản thân để có những biến chuyển trong nhận thức và hành động.  **Câu 3:** Trình bày kinh nghiệm của em về việc lựa chọn câu đơn/ câu ghép trong khi nói và viết.  Gợi ý: Trong thực tế giao tiếp, tuỳ vào mục đích khác nhau, người nói/ người viết, có thể lựa chọn sử dụng câu đơn/ câu ghép. Chúng ta thường sử dụng câu đơn để biểu thị một phán đoán đơn và sử dụng câu ghép để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **Câu 4:**Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cần triển khai phần giải pháp như thế nào cho hợp lí, thuyết phục?  Gợi ý: Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cần triển khai phần giải pháp như sau:  - Xác định rõ vấn đề cần giải quyết:   - Đề xuất giải pháp: Giải pháp cần cụ thể, rõ ràng, khả thi và phù hợp với thực tế.  - Lập luận và dẫn chứng: Lập luận chặt chẽ, sử dụng dẫn chứng cụ thể để minh họa cho các giải pháp.   - Phân tích ưu và nhược điểm của mỗi giải pháp  - Liên hệ bản thân và xã hội.  **Câu 5:** Theo em, cần lưu ý những điều gì khi thiết kế văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động?  Gợi ý:  - Sử dụng các cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, màu sắc chữ hài hoà.  - Từ ngữ ngắn gọn, không sử dụng nhiều hình ảnh gây rối mắt và phân tán sự chú ý của người đọc; màu sắc, cỡ hình phù hợp.  - Tuỳ thuộc vào nội dung quảng cáo và hình ảnh để bố trí nội dung quảng cáo trên các mặt tờ rơi dạng đơn, gấp đôi hoặc gấp ba (nếu có thể).  - Chọn giấy in có khổ giấy phù hợp, chất lượng cao để đảm bảo hiệu quả quảng cáo của tờ rơi.  **Câu 6:** Thế nào là một sự việc có tính thời sự? Nêu ngắn gọn ý chính cần có trong bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  Gợi ý:  - Sự việc có tính thời sự: những sự kiện xảy ra trong xã hội, gây được sự quan tâm của nhiều người trong xã hội.  - Trong bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, cần nêu ngắn gọn ý chính:  + Đầu tiên, nên xác định rõ quan điểm và ý kiến của mình về sự việc đó.  + Sau đó, có thể trình bày các lý do và bằng chứng để ủng hộ quan điểm của mình.  + Cuối cùng, kết luận lại ý chính và tóm tắt lại các điểm quan trọng trong bài trình bày của mình.  **Câu 7:** [Thiết kế một sản phẩm sáng tạo để gửi đến các bạn thông tin về một vấn đề toàn cầu mà em quan tâm.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/thiet-ke-mot-san-pham-sang-tao-de-gui-den-cac-ban-thong-tin.jsp)  GV lưu ý một số vấn đề sau về sản phẩm sáng tạo:  - Nội dung: Sản phẩm cần thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác thông tin về một vấn đề toàn cầu mà HS quan tâm.  - Hình thức: Sản phẩm cần sáng tạo, mới mẻ, hấp dẫn về hình thức trình bày và phù hợp với nội dung muốn truyền tải đến người đọc/ người xem. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thảo luận về các câu hỏi:  1. Sau khi học xong bài này, em có thêm câu trả lời nào mới cho câu hỏi lớn đầu bài học không?  2. Em có thay đổi ý kiến mình đã nêu ra ở đầu bài học để trả lời cho câu hỏi lớn hay không?  3. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Mỗi HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. |  |

TỔ DUYỆT Người dạy

